

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)

Ngày thi: 21 / 7 /2021

Nhóm: 20T4-TKW1

Môn học phần: 0714000453 - Vật Lý 1

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Ký tên	Điểm		Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ	
1	20006708	Trần Thuận	An	15/03/2004	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
2	20002458	Lư Thiên	Ân	20/01/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
3	20001720	Vũ Hồng	Ân	15/04/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
4	20001573	Lý Gia	Bảo	10/05/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
5	20002365	Nguyễn Hữu Gia	Bảo	17/11/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
6	20001734	Trần Gia	Bảo	21/12/2005	20T4-TKW1		7,5	Bảy , năm	
7	20000606	Nguyễn Hữu	Đại	16/12/2003	20T4-TKW1		6,8	Sáu , tám	
8	19000428	Nguyễn Trần Hoàng Công	Danh	22/09/2004	20T4-TKW1		6,0	Sáu , không	
9	20003949	Nguyễn Thế	Dinh	10/05/2005	20T4-TKW1		8,0	Tám , không	
10	20001025	Cao Đơn	Dương	09/05/2004	20T4-TKW1		7,3	Bảy , ba	
11	20002048	Võ Ngọc	Dương	25/06/2005	20T4-TKW1		9,5	Chín , năm	
12	20001692	Đặng Trường	Duy	29/07/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
13	20001932	Phạm Thành	Duy	06/12/2005	20T4-TKW1		7,8	Bảy , tám	
14	20001647	Đỗ Minh	Giang	05/11/2005	20T4-TKW1		5,8	Năm , tám	
15	20002239	Vũ Thị Bảo	Hân	08/02/2005	20T4-TKW1		9,8	Chín , tám	
16	20001300	Nguyễn Tuấn	Hào	28/05/2005	20T4-TKW1		5,0	Năm , không	
17	20003042	Đinh Trọng	Hiếu	09/11/2004	20T4-TKW1		5,0	Năm , không	
18	20003190	Đỗ Minh	Hoàng	08/09/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
19	20005590	Nguyễn Minh	Hoàng	13/09/2005	20T4-TKW1		6,0	Sáu , không	
20	20004859	Lý Hòa	Hung	05/04/2003	20T4-TKW1		6,5	Sáu , năm	
21	20005771	Nguyễn Trần Đình	Huy	29/12/2003	20T4-TKW1		9,8	Chín , tám	
22	20000603	Phạm Hoàng Anh	Huy	05/07/2005	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
23	20002476	Lương Trần	Khang	05/11/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
24	20001708	Huỳnh Trịnh Bảo	Khanh	22/02/2005	20T4-TKW1		9,8	Chín , tám	
25	20000469	Lê Nguyễn Anh	Khoa	11/06/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
26	20003102	Ngô Anh	Khoa	24/06/2005	20T4-TKW1		8,0	Tám , không	
27	20000944	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	27/06/2004	20T4-TKW1		8,3	Tám , ba	
28	20002308	Huỳnh Nguyên	Khôi	11/03/2005	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
29	20002138	Lê An Tuấn	Kiệt	24/01/2005	20T4-TKW1		8,0	Tám , không	
30	20002301	Bùi Phạm Phương	Lâm	22/02/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
31	20001445	Trương Văn	Mạnh	08/06/2002	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
32	20006735	Lê Nguyễn Nhật	Minh	01/12/2004	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
33	20002687	Trương Văn	Minh	11/11/2005	20T4-TKW1		8,8	Tám , tám	
34	20002440	Mai Trần Anh	Nam	02/11/2003	20T4-TKW1		0,0	Không , không	Không nộp bài
35	20005207	Lê Yến	Ngân	02/08/2004	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
36	20002354	Trần Nguyễn Thúy	Ngân	29/09/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
37	20002495	Nguyễn Công	Nhật	06/03/2005	20T4-TKW1		9,5	Chín , năm	
38	20002975	Vòng Hòa	Phi	03/04/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
39	20001457	Lê Hoàng	Phú	18/03/2005	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
40	20002104	Phạm Nguyễn Phi	Phụng	30/09/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	

41	20001492	Nguyễn Nam	Phương	22/11/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
42	20000279	Đình Vỹ	Quang	20/11/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
43	20001566	Phạm Công Trường	Son	10/01/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	
44	20000069	Võ Cao Thái	Son	23/07/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
45	20001953	Nguyễn Trần Gia	Thái	02/09/2004	20T4-TKW1		8,0	Tám , không	
46	20001811	Nữn Chí	Thắng	29/05/2005	20T4-TKW1		9,0	Chín , không	
47	20003046	Phạm Thị Đoan	Thảo	08/08/2005	20T4-TKW1		8,0	Tám , không	
48	20003803	Tạ Đình Ngọc Phong Duy	Trung	27/01/2005	20T4-TKW1		9,3	Chín , ba	
49	20000865	Bạch Phi	Tường	09/05/2005	20T4-TKW1		8,5	Tám , năm	
50	20000577	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	15/06/2005	20T4-TKW1		10,0	Mười , không	

Ghi chú:

Danh sách gồm 50 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 43 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 7 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Hoàng Thiện

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Tú

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....

Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....